

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2018

V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Dũng

2. Bà Huỳnh Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Hòa T. Sinh năm: 1971

Trú tại: K128/25, đường T, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị H. Sinh năm: 1975

Trú tại: K128/25, đ đường T, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Hòa T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông và bà Huỳnh Thị H chung sống với nhau từ năm 1992, đến năm 2016 mới đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, TP. Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại số 76, đường T, phường H, quận N, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến năm 2005 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đam mê cờ bạc, biu hụi nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Huỳnh Thị H.

- **Về quan hệ con chung:** Ông xác nhận, ông và bà H có 02 người con chung, tên Lương Văn L, sinh ngày 30/9/1994 và Lương Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/12/2000. Ly hôn, ông đồng ý giao con Lương Thị Thùy Tr cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Riêng con Lương Văn L đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Ông T xác nhận không có tài sản chung.

- **Về nợ chung:** Ông T xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bà H trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà H vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là bà Huỳnh Thị H đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35; 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của ông Lương Hòa T đối với bà Huỳnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Hòa T được ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về con chung: Giao con Lương Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/12/2000 cho bà Huỳnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Hòa T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của ông Lương Hòa T nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Huỳnh Thị H vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Lương Hòa T và bà Huỳnh Thị H kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận N, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, đến năm 2005 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đam mê cờ bạc, biu hụi nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, ông T cương quyết xin được ly hôn bà H, còn bà H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy ông Lương Hòa T có cư trú tại tổ 57, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng từ đầu năm 2018 đến nay nhưng không đăng ký tạm trú, còn bà Huỳnh Thị H không cư trú cùng ông T nhưng do cùng là người địa phương và bà H đang làm việc cho cơ sở bán đá trên đường Huyện Trần Công Chứa. Do bà H không ở cùng ông ThanTh nên không rõ mâu thuẫn của hai vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Lương Hòa T và bà Huỳnh Thị H thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho ông Lương Hòa T được ly hôn bà Huỳnh Thị H để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng ông T và bà H có 02 người con chung, tên Lương Văn L, sinh ngày 30/9/1994 và Lương Thị Tr Trang, sinh ngày 07/12/2000. Ly hôn, ông T đồng ý giao cháu Lương Thị Thùy Tr cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu Trang hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của Tr mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Hơn nữa, cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Lương Thị Thùy Tr cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, xét thấy sự tự nguyện của ông T là phù hợp với khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Riêng cháu Lương Văn L hiện nay đã hơn 18 tuổi phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Ông T xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Ông T xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Lương Hòa T phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Lương Hòa T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của ông Lương Hòa T đối với bà Huỳnh Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Hòa T được ly hôn với bà Huỳnh Thị H.
2. Về con chung: Giao con Lương Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/12/2000 cho bà Huỳnh Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lương Hòa T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 10/8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Lương Hòa T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001563 ngày 05/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: 300.000 đồng, ông Lương Hòa T phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm